

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- * Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
- * Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông Trần Anh Dũng.
 2. Ông Nguyễn Quốc Sửu.
- * Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.
- * Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/2/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/2/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1991 (Có mặt)
Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh B.
- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 28/12/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Chị và anh Dương Văn T kết hôn ngày 09/12/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, chị và anh Tiến về chung sống với nhau tại gia đình anh Tiến. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 9/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 10/2022 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Toà án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn Anh Dương Văn T.

Về con chung: Chị và anh Tiến có 03 con chung là cháu Dương Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 13/8/2012, cháu Dương Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 27/2/2015, cháu Dương Nguyễn Thảo C, sinh ngày 14/2/2019. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung là Dương Nguyễn Thảo C, anh Tiến nuôi 02 con chung là Dương Nguyễn Ngọc L, Dương Nguyễn Ngọc K và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay chị làm công nhân, lương được hưởng là 10.000.000 đồng/tháng. Chị có nơi ở ổn định để nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị A có mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Tiến, ý kiến về con chung.

* Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Dương Văn T nhưng anh Dương Văn T không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa, anh Dương Văn T vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 14/2/2023, ông Nguyễn Duy H– Trưởng thôn T, xã T cho biết: Chị Nguyễn Thị Kim A kết hôn với anh Dương Văn T năm 2001, sau khi kết hôn vợ chồng chị A, anh Tiến về ở với bố mẹ đẻ anh Tiến. Quá trình chung sống, vợ chồng chị A, anh Tiến phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống. Chị Tiến đã về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ từ tháng 10/2022 đến nay.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng không tiến hành hoà giải đoàn tụ được.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Dương Văn Tiến không chấp hành quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với anh Dương Văn T.
- Về con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị Kim A nuôi dưỡng cháu Dương Nguyễn Thảo C, sinh ngày 14/2/2019. Giao cho anh Dương Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Dương Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 13/8//2012 và Dương Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 27/2/2015. Chị A, anh Tiến không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Không xem xét, giải quyết.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với Anh Dương Văn T nhưng vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 02/2023/QĐ-CCTLCC ngày 10/01/2023 về việc yêu cầu Anh Dương Văn T cung cấp toàn bộ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ, liên quan đến tranh chấp hôn nhân và gia đình, bản tự khai trình bày quan điểm về: quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án cho anh Tiến nhưng anh Tiến không có mặt để làm việc với Tòa án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên phải chịu hậu quả pháp lý.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Dương Văn T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Chị A, anh Tiến bất đồng điểm sống và thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa Chị A, anh Tiến đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho Chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn anh Dương Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Dương Văn T có 03 con chung là cháu Dương Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 13/8/2012, cháu Dương Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 27/2/2015, cháu Dương Nguyễn Thảo C, sinh ngày 14/2/2019. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em.

Xét điều kiện nuôi con thấy: Chị A có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống để nuôi con chung. Hiện tại cháu Dương Nguyễn Thảo C mới trên 36 tháng tuổi, còn nhỏ, là con gái. Các cháu Dương Nguyễn Ngọc L, cháu Dương Nguyễn Ngọc K đang do anh Tiến nuôi dưỡng ổn định và phát triển bình thường. Để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho Chị A nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Dương Nguyễn Thảo C, sinh ngày 14/2/2019. Cần giao cho anh Tiến tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Dương Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 13/8/2012, cháu Dương Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 27/2/2015 là phù hợp nguyện vọng của cháu Linh, cháu Khánh và đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của các cháu Linh, Khánh, Chi và phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Chị Nguyễn Thị Kim A, Anh Dương Văn T không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở Chị A, anh Tiến trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do Chị Nguyễn Thị Kim A, anh Dương Văn T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị Kim A, anh Dương Văn T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị Kim A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Nguyễn Thảo C, sinh ngày 14/2/2019. Giao cho Anh Dương Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 13/8/2012, Dương Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 27/2/2015.

Chị Nguyễn Thị Kim A, Anh Dương Văn T không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở Chị A, anh Tiến trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do Chị Nguyễn Thị Kim A, anh Dương Văn T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0012022 ngày 03/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, Chị Nguyễn Thị Kim A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang,
- VKSND huyện Tân Yên,
- Chi cục THADS Tân Yên,
- UBND xã Tân Trung,
- Các đương sự,
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương